

MỘT SỐ KẾT QUẢ KHẢO SÁT LOÀI CÂY SỪA (*DALBERGIA TONKINENSIS* PRAIN) VÀ TÌNH HÌNH GÂY TRỒNG Ở TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Trần Minh Đức, Lê Thái Hùng

Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế

Tóm tắt. Thừa Thiên Huế là một trong các địa phương có loài cây Sừa (*Dalbergia tonkinensis* Prain.) phân bố tự nhiên nhưng vùng phân bố rất hẹp, kích thước quần thể nhỏ và toàn bộ các cây mẹ có khả năng cho hạt giống đã bị chặt hạ. Ngoài giống địa phương, ở Thừa Thiên Huế còn du nhập nhiều giống Sừa có xuất xứ khác nhau để gây trồng mà phổ biến nhất là hai xuất xứ Bắc bộ và Bồ Trạch (Quảng Bình). Có sự khác biệt rõ nét giữa các xuất xứ Sừa được gây trồng tại Thừa Thiên Huế về hình thái cơ quan sinh dưỡng, tình hình ra hoa kết quả và tốc độ sinh trưởng. Cây Sừa hiện đã được gây trồng theo hình thức tự phát khá rộng rãi trên nhiều điều kiện lập địa, quy mô, phương thức trồng và quản lý khác nhau, trong đó hình thức trồng phân tán trong vườn hộ gia đình là chủ yếu. Cây Sừa trong điều kiện gây trồng và chăm sóc bình thường có tốc độ sinh trưởng đường kính và chiều cao từ trung bình đến nhanh, nhất là ở cấp tuổi đầu. Khả năng sinh trưởng có liên quan đến các yếu tố như: xuất xứ nguồn giống, lập địa trồng và chế độ chăm sóc.

Từ khóa: Sừa, Huế mộc, Thừa Thiên Huế, Nam Đông, Bồ Trạch, Bắc bộ.

1. Đặt vấn đề

Sừa (*Dalbergia tonkinensis* Prain) là loài cây gỗ quý có giá trị kinh tế và sử dụng cao [5]. Mặc dù đã được luật pháp và các cơ quan chức năng tích cực bảo vệ nhưng đến nay loài cây này đã bị khai thác theo kiểu tận diệt trong tự nhiên. Các cây hiện còn hầu hết đều ở dạng tuổi nhỏ được gây trồng với nhiều mục đích rất khác nhau và từ những nguồn giống rất khó xác định và quản lý [4]. Thừa Thiên Huế, là một trong số không nhiều các địa phương ở khu vực miền Trung có Sừa phân bố tự nhiên và cũng là nơi đã sưu tập được khá nhiều giống Sừa có nguồn gốc từ các địa phương hay xuất xứ khác nhau để gây trồng với nhiều mục tiêu khác nhau. Tuy vậy, cho đến nay những thông tin về loài cây này tại đây còn rất ít. Nghiên cứu của chúng tôi nhằm góp phần cung cấp một số dữ liệu cơ bản ban đầu cho hoạt động quản lý, bảo tồn và phát triển bền vững loài cây này tại địa phương.

2. Phương pháp nghiên cứu

Điều tra thực địa bằng phương pháp chuyên ngành được thực hiện trên các quần

thể cây Sura phân bố tự nhiên và được gây trồng theo các phương thức khác nhau tại thành phố Huế, thị xã Hương Thủy, một số huyện vùng gò đồi và vùng núi như Hương Trà, Phú Lộc và Nam Đông (Thừa Thiên Huế). Kê thừa dữ liệu về danh mục thực vật của Dự án Hành lang xanh [8], Vườn Quốc gia Bạch Mã [7]. Phòng vấn và thu thập số liệu tại các Hạt Kiểm lâm, các Ban Quản lý rừng phòng hộ và các xã liên quan thuộc các huyện Nam Đông, Phú Lộc, Hương Thủy, Hương Trà, Phong Điền và A Lưới.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Định danh loài và phân bố của đối tượng nghiên cứu tại Thừa Thiên Huế

Tại Thừa Thiên Huế nói riêng và khu vực miền Trung nói chung, hiện nay có một số nhóm cây có liên quan đến đối tượng nghiên cứu với những tên gọi khác nhau như: Sura vườn, Sura, Huê mộc, Huê, Huỳnh đàn, Trắc thối, Chân hương. Qua khảo cứu tài liệu [1] và phân tích mẫu vật chúng tôi thấy chỉ có *Sura vườn* là tên gọi của một loài khác (còn có tên là *Đuôi công* hay *Giáng hương Ấn độ*, *Giáng hương mắt chim* với tên khoa học là *Pterocarpus indicus* Rojo., họ Đậu - Fabaceae) các tên gọi còn lại đều là chỉ chung một loài có tên khoa học là *Dalbergia tonkinensis* Prain (cũng thuộc họ Đậu - Fabaceae) với tên Việt Nam phổ thông nhất là Sura [4].

Kết quả khảo sát cho thấy phân bố tự nhiên của Sura tại Thừa Thiên Huế rất hẹp, chỉ có duy nhất một quần thể đã từng tồn tại với khoảng 60 cá thể cây mẹ phân bố trong một khu rừng có diện tích chưa tới 10ha, thuộc địa phận hai xã Hương Hữu và Thượng Long, huyện Nam Đông. Tuy nhiên, quần thể này đã bị khai thác toàn bộ vào tháng 8 năm 2006 khi cơn sốt sắn lũng gổ Huê đang ở cao điểm. Các cá thể và quần thể Sura hiện có đều được gây trồng trong khoảng 10 năm trở lại đây [2], [5].

3.2. Phân loại các xuất xứ Sura ở Thừa Thiên Huế

Về xuất xứ, hiện nay trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế đang tồn tại các nguồn giống Sura được gây trồng có nguồn gốc từ các vùng phân bố địa lý như: trong tỉnh (xuất xứ Nam Đông, Thừa Thiên Huế), trong khu vực Bắc Trung bộ (xuất xứ Bồ Trạch, Quảng Bình), từ các tỉnh phía Bắc (tạm gọi chung là xuất xứ Bắc bộ) và từ Lào. Trong đó, các xuất xứ được gây trồng phổ biến nhất, theo thứ tự là: Bắc bộ, Bồ Trạch và Nam Đông.

+ *Xuất xứ Bắc bộ*: do Công ty Công viên, cây xanh Huế lấy giống từ Hà Nội về gây trồng trên một số tuyến phố chính của TP. Huế và thị xã Hương Thủy từ năm 2002. Từ nguồn hạt giống thu được tại chỗ, hiện nay xuất xứ này đã có thế hệ F1 được nhân giống và gây trồng mở rộng thêm. Bên cạnh đó nhiều cơ sở kinh doanh giống tiếp tục mua giống từ tỉnh Vĩnh Phúc về cung cấp cho nhu cầu gây trồng trong tỉnh từ năm 2007 đến nay.

+ *Xuất xứ Bồ Trạch*: do một số hộ dân trực tiếp ra Quảng Bình mua cây giống đã qua gieo uơm từ hạt về trồng ở vườn nhà vào các năm 2006, 2007.

+ *Xuất xứ Nam Đông*: được thu thập từ cây con tái sinh hạt trong tự nhiên. Hiện được quản lý và nhân giống tại Bộ môn Quản lý Tài nguyên rừng và Môi trường (Khoa Lâm nghiệp, Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế) từ giữa năm 2006 [6].

3.3. Sự phân biệt về hình thái của các xuất xứ

Qua khảo sát đặc điểm hình thái và vật hậu học, bước đầu cho thấy một số sai khác đáng kể giữa các xuất xứ của loài Sưa.

3.3.1. Hình thái thân cây

Có mấy điểm khác biệt khá rõ nét về hình thái thân giữa 3 xuất xứ Nam Đông, Bồ Trạch và Bắc bộ, đó là: số thân chính, vị trí phân cành, độ thon, độ tròn, độ thẳng thân, độ nghiêng thân, màu sắc và độ mịn của vỏ cây.

Nhìn chung, Sưa là loài cây phân cành sớm và dễ hình thành nhiều thân từ một gốc. Đặc điểm này thể hiện rõ nét nhất ở xuất xứ Bắc bộ, các xuất xứ Nam Đông và Bồ Trạch chủ yếu là một thân. Xuất xứ Bắc bộ còn có một số đặc trưng như chiều cao dưới cành thấp, thân hơi dẹt, xoắn vặn nhiều hướng, thân thường nghiêng, lệch tâm nhiều, bề mặt vỏ thô, màu sắc vỏ thường xám, hơi đen hay nâu. Trong khi đó xuất xứ Nam Đông lại có nhiều đặc điểm trái ngược như chiều cao dưới cành lớn, thân tròn, khá thẳng, ít lệch, độ thon nhỏ, bề mặt vỏ mịn và sáng. Xuất xứ Bồ Trạch thường thể hiện các đặc điểm thân trung gian giữa hai xuất xứ kia và gần giống với xuất xứ Nam Đông hơn.

3.3.2. Hình thái lá

Kết quả khảo sát cho thấy các dấu hiệu khảo sát định lượng về hình thái lá của cả ba xuất xứ đều có sự sai khác nhau rất đáng kể. Trong đó sự sai khác giữa xuất xứ Bắc bộ và xuất xứ Nam Đông là lớn và rõ nét nhất. Các giá trị bình quân của xuất xứ Bồ Trạch thường tương đương xuất xứ Bắc bộ hay có sự chênh lệch nhất định nhưng nằm giữa các trị số của hai xuất xứ Nam Đông và Bắc bộ, trừ chỉ tiêu góc mũi lá chết là lớn nhất và chỉ tiêu tỷ lệ giữa chiều dài và rộng lá chết là nhỏ nhất trong 3 xuất xứ. Số lượng lá chết bình quân trên lá kép giữa các xuất xứ là đặc điểm dễ nhận biết nhất: xuất xứ Nam Đông có số lá chết bình quân lớn nhất (dao động từ 16-18 lá, trung bình là 17 lá), tiếp đến là các xuất xứ Bồ Trạch (13-14 lá) và xuất xứ Bắc bộ (xấp xỉ 13 lá). Chỉ tiêu có giá trị ổn định và tương đồng nhất trong cả ba xuất xứ là tỷ số giữa chiều dài và chiều rộng của lá chết.

Bảng 1. So sánh các chỉ tiêu hình thái lá của 3 xuất xứ Bắc bộ, Nam Đông và Bồ Trạch

| TT | Chỉ tiêu quan sát | Đơn vị tính | Trị số trung bình của xuất xứ | | |
|----|------------------------------------|-------------|-------------------------------|----------|----------|
| | | | Bắc bộ | Nam Đông | Bồ Trạch |
| 1 | Số lá chết/lá kép của quần thể (1) | lá | 12,97 | 17,73 | 12,90 |
| | Số lá chết/lá kép của quần thể (2) | lá | 12,47 | 15,92 | 14,23 |

| | | | | | |
|----|-----------------------------------|-----|--------|-------|--------|
| 2 | Số gân chính/lá chết | gân | 17,50 | 17,83 | 17,10 |
| 3 | Góc gốc lá chết | độ | 121,20 | 107,6 | 110,83 |
| 4 | Góc mũi lá chết | độ | 41,13 | 35,73 | 45,70 |
| 5 | Chiều dài cuống lá chết | mm | 3,93 | 2,07 | 3,62 |
| 6 | Chiều dài phiến lá chết | mm | 84,97 | 66,78 | 73,95 |
| 7 | Bề rộng vị trí lớn nhất lá chết | mm | 33,23 | 26,00 | 31,33 |
| 8 | Bề rộng vị trí 1/4 lá chết | mm | 32,03 | 24,83 | 29,82 |
| 9 | Bề rộng vị trí 1/2 lá chết | mm | 31,47 | 24,45 | 29,80 |
| 10 | Bề rộng vị trí 3/4 lá chết | mm | 19,67 | 14,40 | 18,76 |
| 11 | Tỷ lệ bình quân dài /rộng lá chết | - | 2,56 | 2,57 | 2,36 |

(Nguồn: Khảo sát thực địa năm 2010).

3.4. Khảo sát về tuổi ra hoa kết quả

Về tuổi thành thực tái sinh, qua khảo sát chúng tôi thấy tuổi ra hoa lần đầu của các xuất xứ có sự khác nhau khá rõ nét: xuất xứ Bắc bộ có thể ra hoa từ năm thứ 4 kể từ khi trồng, thậm chí đã gặp trường hợp cây ra hoa ngay ở tuổi 2 khi được trồng trong chậu với hạt giống lấy tại Hà Nội. Xuất xứ Bồ Trạch, có một số cá thể ra hoa từ năm thứ 5 sau khi trồng, một số khác ra hoa muộn hơn: cây trồng ở Bình Điền (Hương Trà) đã gần 7 năm tuổi vẫn chưa có cây nào ra hoa, trong khi cây trồng ở Hương Sơ (Tp. Huế) sau 5 năm đã có 10% số cây ra hoa lứa đầu. Riêng xuất xứ Nam Đông từ khi được gây trồng bằng những cây con lớn nhất khoảng 2-3 năm tuổi vào năm 2006 thì đến nay (các cây lớn nhất đã đạt 7-8 năm tuổi) vẫn chưa có cá thể nào ra hoa. Qua đó có thể thấy, các xuất xứ Bắc bộ tuy đã được thuần hóa nhưng đã có dấu hiệu suy thoái về giống, ngoài ra hiện tượng này còn có thể do kết quả chọn giống theo mục đích sử dụng làm cây cảnh (cho hoa sớm và nhiều) và cây bóng mát (tán rộng, sum xuê, phân cành sớm và nhiều), điều này có thể mâu thuẫn với mục tiêu lấy gỗ mà hiện nay nhiều người đang hướng tới.

3.5. Đặc điểm sinh thái quần thể trong tự nhiên

Quần thể Sura ở Nam Đông phân bố trên đỉnh và sườn núi đá vôi có độ cao tuyệt đối dưới 300m. Loại đất phong hóa từ đá vôi, tầng dày, thành phần cơ giới và hàm lượng mùn trung bình, đất ít chua (pH = 6,2). Độ tàn che tầng cây gỗ thấp (0,3-0,4), thuộc trạng thái rừng tự nhiên nghèo đang phục hồi sau khai thác chọn và sản xuất nương rẫy. Các loài cây gỗ ưu thế đi kèm phổ biến là nhóm các loài cây ưa sáng mọc nhanh như: Ba bét (*Mallotus* spp.), Dầu da xoan (*Allospondias lakonensis*), Hu đay (*Trema orientalis*)..., và cũng đã xuất hiện một số cây gỗ lớn trung tính như Chò (*Parashorea stellata*), Trường (*Nephelium melliferum*), Đào (*Palaquium obovatum*). Một số loài thực vật quý hiếm và cũng đặc trưng cho khu hệ núi đá vôi cũng đã được ghi nhận tại đây như: Dây hương (*Erythralum scandens*), Xạ đen (*Celastrus hindsii*),

Tiết dê (*Cissampelos pareira*), Giảo cổ lam (*Gynostemma pentaphyllum*), Lan kim tuyến (*Calanthe alismifolia*), Sâm bông bông (*Dracaena angustifolia*)...

3.6. Tình hình gây trồng

3.6.1. Động cơ, mục đích gây trồng

Kết quả khảo sát năm 2009 cho thấy: đa số người dân trồng Sưa ở Thừa Thiên Huế đều có mục đích, định hướng rõ ràng (chiếm 77,5%). Chỉ một số không nhiều trường hợp là trồng nhưng chưa có định hướng rõ (chiếm 22,5%). Điều này cho thấy rằng không phải ngẫu nhiên mà người ta đưa cây Sưa vào trồng. Tuy nhiên, nhìn chung việc trồng Sưa ở Thừa Thiên Huế nhìn chung vẫn mang tính tự phát.

Động cơ gây trồng Sưa trong thực tế rất đa dạng, người ta có thể trồng vì giá trị kinh tế của gỗ Sưa, vì phong trào, làm cảnh, tạo bóng mát, trồng để nghiên cứu khoa học, trồng vì giá trị dược liệu, hay vì chất lượng gỗ khá tốt của nó.

Bảng 2. Số lượng hộ phân theo các động cơ gây trồng

| Động cơ vì | Giá trị kinh tế cao | Bảo tồn và NCKH | Vì gỗ tốt | Làm cảnh, tạo bóng mát | Giá trị dược liệu | Vì phong trào |
|-----------------------|----------------------------|------------------------|------------------|-------------------------------|--------------------------|----------------------|
| Số hộ, cơ quan | 17 | 11 | 2 | 2 | 1 | 7 |
| Tỷ lệ (%) | 42,5 | 27,5 | 5,0 | 5,0 | 2,5 | 17,5 |

(Nguồn: Khảo sát thực địa năm 2009, 2010).

Trong các động cơ gây trồng trên thì lớn nhất vẫn là giá trị kinh tế lớn của gỗ Sưa, đặc biệt vào thời điểm năm 2006-2007. Nhưng động lực này chỉ xuất hiện sau này (2006-2007), còn về giá trị cảnh quan thì đã được Công ty Công viên cây xanh mang về trồng nhiều năm trước đó (từ trước năm 2002). Đáng chú ý là đã có nhiều tổ chức và cá nhân đã hướng tới việc gây trồng vì mục tiêu bảo tồn và tạo vật liệu cho nghiên cứu về loài.

3.6.2. Hiện trạng gây trồng

3.6.2.1. Quy mô gây trồng: Tính theo số lượng hộ tham gia trồng Sưa trong quá trình điều tra thì số hộ trồng ở quy mô trung bình (trên 50 cây) chiếm tỷ lệ cao nhất (22 hộ, 55%) sau đó là số hộ trồng có quy mô nhỏ (dưới 50 cây, 14 hộ - 35%) và có tỷ lệ thấp nhất đó là số hộ trồng ở quy mô lớn (trên 1ha, 4 hộ - 10%). Nhóm hộ trồng có quy mô lớn là những hộ có tiềm lực mạnh về kinh tế, có đủ đất để trồng, cũng như có kinh nghiệm trong việc trồng rừng. Phát triển theo hướng trồng tập trung quy mô lớn sẽ có những thuận lợi trong việc kinh doanh hàng hóa sau này, khi một loại cây trồng phát triển tập trung thì nó sẽ tạo thành một vùng nguyên liệu, đủ sản phẩm để cung cấp cho thị trường, có như thế thì việc tìm thị trường tiêu thụ mới dễ dàng và có hiệu quả. Đồng

thời đây cũng thể hiện sự táo bạo, dám đầu tư của người dân.

3.6.2.2. Phương thức quản lý: Có 3 phương thức quản lý chủ yếu đó là hộ gia đình, nhóm hộ, cơ quan (công ty). Trong đó hình thức quản lý theo hộ gia đình là phổ biến nhất chiếm: 34 hộ (chiếm 85%), tiếp theo là công ty, cơ quan: 4 đơn vị (10%), nhóm hộ quản lý là 2 (5%). Hộ gia đình quản lý chiếm tỷ lệ lớn do chủ yếu các hộ trồng trong vườn nhà, trồng với số lượng ít. Các công ty, cơ quan chủ yếu trồng ở đường phố và trong khuôn viên trụ sở. Tất cả các phương thức quản lý trên đều có hiệu quả cao do nó gắn liền với trách nhiệm và quyền lợi của chủ thể quản lý

3.6.2.3. Phương thức trồng

Phương thức trồng Sưa trên địa bàn nghiên cứu chủ yếu gồm: trồng tập trung thành rừng, trồng trong vườn - khuôn viên nhà, cơ quan và trồng ở đường phố, công viên. Trong đó cách trồng nhỏ lẻ trong vườn nhà, cơ quan được nhiều người áp dụng chiếm 85% số điểm điều tra. Còn lại là trồng thành rừng, đường phố và trong công viên. Phương thức trồng chủ yếu là trồng xen (52,5% số hộ hay cơ quan) hay thuần loài (32,5%) trong vườn nhà, ngoài ra đã xuất hiện phương thức trồng tập trung thành rừng thuần loài (5%) hay hỗn giao (5%) và trồng ở đường phố (5%). Phương thức trồng xen với các loại cây rừng hay cây nông nghiệp là phương thức khá phổ biến, đối với cách trồng trong vườn nhà thì trồng xen với các cây như Chuối, Mít, Ổi, Cau, Chè..., trong trường hợp trồng thành rừng thì người ta trồng hỗn giao với Keo. Phương thức này khá hiệu quả trong việc tận dụng không gian dinh dưỡng và thích hợp với cây Sưa do nhu cầu cần được che bóng nhẹ trong gian đoạn đầu. Phương thức trồng thuần loài thích hợp đối với những nơi có đất trống, có thể trồng với quy mô lớn. Phương thức này sẽ thuận tiện khi chăm sóc và khai thác sản phẩm nhưng thường khó khăn trong khâu bảo vệ, nhất là phòng chống gia súc phá hoại khi rừng còn non và phòng trừ các dịch sâu bệnh.

3.6.2.4. Một số nguyện vọng của người dân: Khảo sát tại Thừa Thiên Huế cho thấy, xung quanh vấn đề trồng và kinh doanh cây Sưa người dân có những nguyện vọng sau đây: (i). Muốn có nguồn cây giống với giá rẻ hơn và nguồn gốc rõ ràng, chất lượng bảo đảm; (ii). Muốn có các chương trình tập huấn, hướng dẫn cho họ biết các kỹ thuật trồng chăm sóc cây. Nhận biết và biết cách điều trị các loại sâu bệnh thông thường; (iii). Cần có các chính sách ưu đãi về vốn trong việc trồng rừng cây Sưa. Một số người muốn đưa cây Sưa vào trồng xen với Keo như các cây bản địa khác; (iv). Cần có một thị trường tiêu thụ gỗ Sưa rộng rãi, tìm thị trường mới, muốn cơ quan có chức năng xác định rõ giá trị thực của gỗ Sưa. Nếu đáp ứng được các yêu cầu trên thì người dân sẽ tiếp tục mở rộng diện tích trồng Sưa trong tương lai.

3.7. Khả năng sinh trưởng trong điều kiện gây trồng

3.7.1. Tăng trưởng về đường kính

Có sự chênh lệch về tăng trưởng đường kính giữa các xuất xứ nhưng không quá

lớn. Trong khoảng từ 3 đến 9 năm tuổi, lượng tăng trưởng bình quân của tất cả các xuất xứ đều dao động trong khoảng từ 1,3 đến gần 1,8cm/năm, bình quân chung là 1,5cm/năm. Lượng tăng trưởng cao nhất của cá thể khảo sát được là 2,34cm/năm, thấp nhất là 0,57cm/năm đều thuộc về xuất xứ Bồ Trạch trồng ở Hương Sơ (Tp. Huế) ở độ tuổi 5. Xuất xứ Bồ Trạch trồng ở Bình Điền (Hương Trà) nhìn chung có mức tăng trưởng đường kính trội hơn các điểm trồng khác cùng hay khác xuất xứ. Về lượng tăng trưởng thường xuyên của độ tuổi từ 3 đến 7 của các xuất xứ bình quân dao động trong khoảng từ 1,2-1,5cm; cá thể cao nhất đạt 2,78cm, thấp nhất là 0,63cm đều gặp ở xuất xứ Bồ Trạch trồng ở Bình Điền ở thời điểm 6,5 tuổi.

Bảng 3. Lượng tăng trưởng đường kính của một số xuất xứ trồng tại TT.Huế

| Chỉ tiêu | Địa phương gây trồng | | | | |
|-----------------------|--|---------------|--------------|-------------|--------------|
| | Bình Điền | Hương Sơ | Đường phố | Th. Thành | |
| Xuất xứ | Bồ Trạch | Bồ Trạch | Bắc bộ | Nam Đông | |
| Năm trồng | (6/2005) | (2/2005) | (2/2002) | (2/2007) | |
| $D_{1,3}$ bq (cm) | (tính đến 12/2010) (tính đến 12/2011) | 9,78 11,35 | 6,79 8,02 | - 13,50 | 4,82 6,42 |
| Δ_D bq (cm) | (đến 12/2010) (đến 12/2011) | 1,78 1,74 | 1,35 1,34 | - 1,50 | 1,61 1,61 |
| Z_D bq (cm) | (từ 2010-2011) | 1,44 | 1,23 | - | 1,40 |

(Nguồn: Số liệu điều tra năm 2010, 2011).

Ghi chú: Δ_D là lượng tăng trưởng bình quân/năm của đường kính thân cây

Z_D là lượng tăng trưởng thường xuyên/năm của đường kính thân cây.

Trong cùng một xuất xứ là Bồ Trạch trồng tại hai địa điểm Bình Điền (Hương Trà), Hương Sơ (Tp. Huế) và có độ tuổi tương đương nhau thì lượng tăng trưởng bình quân và thường xuyên về đường kính cũng như mức độ đồng đều về sinh trưởng đường kính của cây trồng ở Bình Điền luôn vượt trội hơn so với trồng ở Hương Sơ. Điều này cho phép nhận định là điều lập địa ở điểm trồng Bình Điền phù hợp cho sự sinh trưởng của cây Sưa hơn là ở điểm trồng Hương Sơ. Trong khi đó, kết quả khảo sát về vật hậu thì quần thể ở Hương Sơ lại có biểu hiện ra hoa, quả sớm hơn ở Bình Điền. Trong ba xuất xứ khác nhau nhưng đều trồng trong cùng một địa bàn không quá khác xa nhau là Hương Sơ, Thuận Thành và Vĩnh Lợi (Tp. Huế) thì xuất xứ Nam Đông có phần trội hơn về tăng trưởng đường kính, tiếp đến là xuất xứ Bắc bộ và cuối cùng là xuất xứ Bồ Trạch. Có thể đây là một trong những ưu thế của giống địa phương khi vùng trồng (Tp. Huế) và vùng phân bố tự nhiên (Nam Đông) không quá xa nhau. Đối với quần thể Sưa xuất xứ Bồ Trạch trồng

tại Bình Điền sau 5 năm rưỡi (6/2005-12/2010), đường kính bình quân đạt 9,78cm, lượng tăng trưởng bình quân đường kính đạt 1,78cm/năm. Sau 6 năm rưỡi (12/2011), đường kính bình quân đạt 11,35cm. Tăng trưởng bình quân về đường kính ở thời điểm này là 1,74cm/năm. Lượng tăng trưởng thường xuyên bình quân sau một năm (12/2010 - 12/2011) là 1,44cm. Hầu hết các cá thể khảo sát có lượng tăng trưởng thường xuyên giữa hai năm 2010 và 2011 thấp hơn lượng tăng trưởng bình quân của từng năm đó, đồng thời lượng tăng trưởng bình quân tại thời điểm năm 2011 lại thấp hơn năm 2010. Như vậy là sau 5 năm tuổi, lượng tăng trưởng thường xuyên và bình quân về đường kính thân cây đều có xu hướng giảm. Đối với các xuất xứ Bồ Trạch trồng ở Hương Sơ và xuất xứ Nam Đông trồng ở Thuận Thành cũng có chiều hướng tương tự như ở Bình Điền nhưng tăng trưởng nhìn chung chậm hơn. Trong đó xuất xứ Nam Đông tỏ ra đồng đều và ổn định hơn về sinh trưởng cũng như chất lượng cây trồng.

3.7.2. Tăng trưởng về chiều cao

Kết quả tại bảng 4 cho thấy: trong độ tuổi từ 4-9, tăng trưởng bình quân về chiều cao các xuất xứ Sưa trồng ở một số địa điểm ở Thừa Thiên Huế, có mức dao động từ 0,7 đến 1,4m mỗi năm, trung bình là 1m/năm. Các quy luật biến đổi về cơ bản tương tự như chỉ tiêu tăng trưởng về đường kính đã trình bày ở phần trước. Tóm lại, ưu thế về phát triển chiều cao luôn thuộc về xuất xứ Nam Đông, tiếp đến là xuất xứ Bồ Trạch và cuối cùng là xuất xứ Bắc bộ.

Bảng 4. Tổng hợp đánh giá về tăng trưởng bình quân chiều cao của một số xuất xứ và lập địa gây trồng

| Tt | Xuất xứ | Nơi trồng | Tuổi quan sát | Chiều cao bình quân (m) | Lượng tăng trưởng bình quân/năm (m) |
|----|----------|-------------------|---------------|-------------------------|-------------------------------------|
| 1 | Bồ Trạch | Bình Điền (H.Trà) | 5,5 | 6,65 | 1,21 |
| 2 | Bồ Trạch | Hương Sơ (Huế) | 6,0 | 5,87 | 0,98 |
| 3 | Nam Đông | Thuận Thành (Huế) | 4,0 | 5,63 | 1,41 |
| 4 | Bắc bộ | Thuận Thành (Huế) | 5,0 | 4,30 | 0,86 |
| 5 | Bắc bộ | Vĩnh Lợi (Huế) | 9,0 | 6,45 | 0,72 |

(Nguồn: Số liệu điều tra năm 2010, 2011).

3.8. Các yếu tố ảnh hưởng đến cây Sưa và việc trồng Sưa

Qua điều tra, chúng tôi nhận thấy các yếu tố gây trở ngại cho việc phát triển cây Sưa khi được gây trồng đại trà trên địa bàn nghiên cứu là: gió bão gây gãy đổ, sâu bệnh và gia súc gây hại, sự khan hiếm hay không minh bạch về nguồn giống, động cơ gây trồng mơ hồ, kỹ thuật gây trồng tự phát, khả năng mất mát do trộm cắp, thiếu nguồn vốn và thị trường bấp bênh. Ngoài ra có thể có trở ngại về tính pháp lý của các sản phẩm thu

hoạch sau này, vì cây Sưa hiện được xếp vào nhóm IA của Nghị định 32/2006/NĐ-CP, tức là nhóm cấm khai thác và sử dụng vì mục đích thương mại dưới mọi hình thức.

4. Kết luận

Thừa Thiên Huế là một trong không nhiều các địa phương có loài cây Sưa (*Dalbergia tonkinensis* Prain.) phân bố tự nhiên, tuy vùng phân bố rất hẹp, kích thước quần thể nhỏ và các cây mẹ đã bị chặt hạ hết nhưng đã kịp để lại một nguồn giống có nét đặc thù và có triển vọng gây trồng cao theo hướng kinh tế. Ngoài giống Sưa có nguồn gốc địa phương (xuất xứ Nam Đông) ở Thừa Thiên Huế còn du nhập nhiều giống Sưa có xuất xứ khác nhau để gây trồng với nhiều mục tiêu khác nhau mà phổ biến nhất là hai xuất xứ Bắc bộ và Bồ Trạch (Quảng Bình).

Có sự khác biệt rõ nét giữa 3 xuất xứ Sưa được gây trồng tại Thừa Thiên Huế về hình thái cơ quan sinh dưỡng, tình hình ra hoa kết quả và tốc độ sinh trưởng. Trong đó hai xuất xứ có sự khác biệt nhau lớn nhất là Nam Đông và Bắc bộ. Cây Sưa hiện đã được gây trồng theo hình thức tự phát khá rộng rãi trên nhiều điều kiện lập địa, quy mô, phương thức trồng và quản lý khác nhau, trong đó hình thức trồng phân tán trong vườn hộ gia đình là chủ yếu.

Cây Sưa trong điều kiện gây trồng và chăm sóc bình thường có tốc độ sinh trưởng đường kính và chiều cao từ trung bình đến nhanh, nhất là ở cấp tuổi đầu. Bình quân đạt 1,5cm/năm về đường kính và 1m/năm về chiều cao vút ngọn. Khả năng sinh trưởng có liên quan đến các yếu tố như: xuất xứ nguồn giống, lập địa trồng và chế độ chăm sóc. Có nhiều yếu tố gây tổn hại và trở ngại cho việc trồng rừng Sưa tại địa phương cần được tiếp tục nghiên cứu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Nguyễn Tiên Bản (chủ biên), *Danh lục các loài thực vật Việt Nam*, Nxb. Nông nghiệp, Hà Nội, 2/2003, 779-786.
- [2]. Trần Minh Đức, Lê Thị Diên, và nnk., *Kỹ thuật trồng một số cây gỗ rừng bản địa*. Nxb. Nông nghiệp, Hà Nội, 2009.
- [3]. Trần Minh Đức, Lê Thị Diên, và nnk., *Kết quả khảo sát hình thái cơ quan sinh dưỡng và vật hậu một số xuất xứ loài Sưa (*Dalbergia tonkinensis* Prain.) trồng tại Thừa Thiên Huế*, Tạp chí Rừng và Môi trường, Hà Nội, (2011), 49-54.
- [4]. Trần Minh Đức, Ngô Trí Dũng, và nnk., *Nghiên cứu biện pháp kỹ thuật bảo tồn và phát triển loài Huê mộc (*Dalbergia* sp.) tại khu vực Bắc Trung bộ*, Báo cáo tổng kết đề tài NCKH cấp bộ, mã số B2009-DHH-27, Huế, 12/2011.
- [5]. Trần Ngọc Hải, *Sổ tay hướng dẫn nhận biết một số loài thực vật rừng quý hiếm ở Việt Nam*, Quỹ quốc tế Bảo vệ Thiên nhiên (WWF). Chương trình hỗ trợ Đông Dương, Hà Nội, 2006.

- [6]. Lê Thái Hùng, Trần Minh Đức, *Điều tra, đánh giá hiện trạng và lập phương án phục hồi cây Huê ở Nam Đông, Thừa Thiên Huế*, Báo cáo kết quả đề tài NCKH-CN, Trường Đại học Nông Lâm – Đại học Huế, Huế, 2008.
- [7]. Huỳnh Văn Kéo, Trần Thiên Ân, *Kiểm kê danh lục thực vật Vườn Quốc gia Bạch Mã*. Nxb. Thuận Hóa, Huế, 2011.
- [8]. Leonid V. Averyanov, Phan Kế Lộc, Nguyễn Tiến Vinh, Trần Minh Đức, Dương Văn Thành, Lê Thái Hùng, Nguyễn Tiến Hiệp, Phạm Văn Thế, Averyanova A.L., Jacinto Regalado, Ngô Trí Dũng, *Đánh giá hệ thực vật vùng cảnh quan Hành Lang Xanh tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam*, Báo cáo số 1: Phần 2. Dự án Hành lang xanh, WWF Greater Mekong & Chương trình Việt Nam và Chi cục Kiểm lâm tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam, 2006.

**INVESTIGATORY RESULT OF DALBERGIA TONKINENSIS PRAIN AND
THE PROPAGATION STATUS OF THIS TREE SPECIES
IN THUA THIEN HUE PROVINCE**

Tran Minh Duc, Le Thai Hung

College of Agriculture and Forestry, Hue University

Abstract. Thua Thien Hue is one of the provinces that have the natural distribution of *Dalbergia tonkinensis* Prain. The distribution area is small with low population and all the mother trees have been illegally cut down. Beside the local variety, Thua Thien Hue also imports other varieties from Northern region and Bo Trach (Quang Binh) for plantation. There are distinct difference in characteristics of vegetative morphology, age of first flowering and growth rate among the 3 varieties of *Dalbergia tonkinensis* Praine planted in Thua Thien Hue province. The *Dalbergia tonkinensis* Prain has been planted widely in different soil types, with different scales, planting pattern and management methods of which scattered planting in the home garden is dominant. In normal conditions, the growth rate of diameter and height of the *Dalbergia tonkinensis* Prain is above average, especially in the first year. The growth capability has close relation with: variety origin, soil, and tending conditions.

Keywords: propagation, *Dalbergia tonkinensis* Prain, Thua Thien Hue, Nam Dong, Bo Trach, Bac bo.